TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**15**/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 14/05/2021
Về việc: " Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 05 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2021/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 04 năm 2021 và Quết định Hoãn phiên tòa số 12/ QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn P – sinh năm 1985; vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT và trú tại: Xóm A, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình. - Bị đơn: Chị Nguyễn Thị X – sinh năm 1987; vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT : Xóm A, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện đang tạm trú tại: Xóm 14B, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Anh P có đơn xin xét xử vắng mặt, chị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị X sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 01 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về sống cùng bố mẹ đẻ của anh được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không thể cải thiện được mà mâu thuẫn ngày càng nặng nề

hơn. Năm 2015 chị X đã bỏ về nhà mẹ đẻ của chị X ở xóm 14B, xã L để ở và anh chị sống ly thân nhau từ đó đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn anh chị không có khả năng về đoàn tụ nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Nguyễn Thị X.

Về con chung: Anh và chị X có hai con chung cháu Nguyễn Đức L sinh ngày 03 tháng 11 năm 2009 và cháu Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 24 tháng 01 năm 2011. Hiện các cháu đang ở cùng với chị X. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai anh đề nghị được nuôi cả hai con chung cháu Nguyễn Đức L và cháu Nguyễn Thị Thu H và không yêu cầu chị X có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung. Tại biên bản phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ anh nhất trí để chị X tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các cháu là 1.000.000đ/cháu/ tháng. Kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh và chị X tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và công nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong bản tự khai bị đơn Nguyễn Thị X trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn P kết hôn hợp pháp và đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND xã L, huyện K. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về sinh sống cùng với bố mẹ đẻ anh P và vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi chửi nhau. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng không có kết quả. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên năm 2015 chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ của chị để ở và anh chị sống ly thân nhau mỗi người một nơi không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có khả năng về đoàn tụ nên nay anh P có đơn xin ly hôn chị nhất trí và không có ý kiến gì.

Về con chung: Chị và anh P có hai con chung cháu Nguyễn Đức L sinh ngày 03 tháng 11 năm 2009 và cháu Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 24 tháng 01 năm 2011. Hiện nay các cháu đang ở cùng với chị. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả hai cháu L và H cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh P tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai của các cháu Nguyễn Đức L và cháu Nguyễn Thị Thu H thì nguyện vọng các cháu muốn ở với chị X để ổn định việc học tập và sinh hoạt của các cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn hấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự . Bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn P ly hôn chị Nguyễn Thị X

- Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Đức L sinh ngày 03 tháng 11 năm 2009 và cháu Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 24 tháng 01 năm 2011 cho chị Nguyễn Thị X tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung là 2.000.000đ/ tháng (mỗi cháu 1.000.000đ/ tháng) . Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Án phí: Anh Nguyễn Văn P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn P có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Nguyễn Thị X có nơi cư trú tại: Xóm 14B, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là chị Nguyễn Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Anh P có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị X có Đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 01 năm 2008 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị X là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh Phúc, quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp và luôn bất đồng quan điểm nên đã phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân nhau 6 năm nay và không quan tâm đến cuộc sống của nhau, cả hai anh chị đều xác định tình

cảm vợ chồng không còn và cũng không có khả năng về đoàn tụ. Anh P có đơn xin ly hôn chị X cũng nhất trí ly hôn.

Quá trình làm việc tại Tòa án chị X đã có mặt, tuy nhiên đến giai đoạn Tòa án tiến hành các thủ tục tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì chị Xinh đã không có mặt và bỏ mặc việc Tòa án giải quyết vụ án.

Mặt khác căn cứ vào biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V xác định anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị X kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại xóm A, xã V. Quá trình sinh sống tại địa phương một thời gian thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Chính quyền không nắm được nguyên nhân do đâu anh chị mâu thuẫn vì chính quyền không nhận được bất kỳ đơn thư hay báo cáo gì về việc anh chị mâu thuẫn và cần được hòa giải. Nhưng từ năm 2015 đến nay thì chị X đã bế con về nhà bố mẹ đẻ ở xã L sinh sống. Hiện chỉ có mình anh P làm ăn sinh sống tại địa phương. Nay anh P xin ly hôn chị X đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu chứng cứ nêu trên thể hiện anh P và chị X đã có thời gian sống ly thân 6 năm nay, cả hai đều thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn và không thể về đoàn tụ được. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa anh P và chị X đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Anh P và chị X có hai con chung cháu Nguyễn Đức L sinh ngày 03 tháng 11 năm 2009 và cháu Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 24 tháng 01 năm 2011 hiện các cháu đang ở cùng với mẹ, chị X có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu, bản thân anh P tại đơn khởi kiện và bản tự khai cũng có nguyện vọng nuôi cả hai cháu L và H nhưng tại Phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và anh P đã thay đổi về vấn đề nuôi con sau khi ly hôn. Anh P nhất trí nhường quyền nuôi hai con L và H cho chị X. Qua nghe nguyện vọng các cháu L và H cả hai đều muốn ở với mẹ để ổn định việc học tập và sinh hoạt của các cháu. Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của các con căn cứ điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án thấy cần giao cháu Nguyễn Đức L sinh ngày 03 tháng 11 năm 2009 và cháu Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 24 tháng 01 năm 2011 cho chị Nguyễn Thị X tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng đối với các con mặc dù chị X không yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung nhưng anh P vẫn đề nghị và tự nguyện có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung là 2.000.000đ/ tháng (mỗi cháu 1.000.000đ/ tháng) . Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con sau khi ly hôn.Căn cứ vào Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận mức cấp dưỡng cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng mà anh P đề nghị.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Phạm Văn P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và nộp 300.000đ án phí dân sự về cấp dưỡng định kỳ.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị X được ly hôn

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức L sinh ngày 03 tháng 11 năm 2009 và cháu Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 24 tháng 01 năm 2011 cho chị Nguyễn Thị X tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn P có nghĩa vụ cấp cấp dưỡng đối với cháu Nguyễn Đức L là 1.000.000đ/ tháng kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống và cấp cấp dưỡng đối với cháu Nguyễn Thị Thu H là 1.000.000đ/ tháng kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống, anh P có quyền đi lại thăm nom con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 375 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn P phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002506 ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Anh Nguyễn Văn P phải nộp thêm 300.000đ án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã L, huyện K
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Trần Thị Khanh